



Ảnh Hòa Tấn

Việt Nam trước ngưỡng cửa WTO

TS.VŨ MỘNG LAN

Song song với việc chờ đợi cách vận hành của hệ thống đa phương tốt hơn, theo thiên ý, Việt Nam chỉ nên gia nhập khi tạo dựng được hệ thống vận hành hiệu quả, khả năng cạnh tranh vững chắc, có giải pháp thoả đáng cho các tổn thất xã hội có thể đặt ra, và khi thành lập hay huấn luyện được đội ngũ chuyên gia có nhiều kinh nghiệm về thương trường quốc tế và đủ khả năng bảo vệ quyền lợi quốc gia khi hữu sự. Hãy coi thương mại đa phương là phương tiện để phát triển, chứ không phải là cứu cánh.

Kinh nghiệm Trung Quốc

Kinh nghiệm của Trung Quốc cho thấy rằng khi gia nhập vào Tổ chức thương mại thế giới (WTO), hai lĩnh vực của Trung Quốc sẽ bị phương hại: đó là nông nghiệp (lúa, gạo, bắp) và các ngành công nghiệp sử dụng nhiều kỹ thuật và vốn. Mười triệu nông dân (trên dân số lao động 340 triệu người) có thể mất việc. Ngành công nghiệp xe hơi nội địa sẽ bị đe dọa khi thuế đánh vào các xe nhập khẩu từ 80-100% sẽ xuống còn 25%, và các xe hơi do các xí nghiệp có vốn nước ngoài đầu tư vào Trung Quốc sản xuất sẽ phải giảm chi phí sản xuất và giá bán trên thị trường

để cạnh tranh với xe Âu Mỹ nhập khẩu. Nói chung, những hạn chế về số lượng hàng công nghiệp nhập khẩu vào Trung Quốc sẽ bị tháo gỡ, và hàng công nghiệp sẽ lan tràn vào Trung Quốc. Những xí nghiệp nội địa không cạnh tranh nổi sẽ phải đóng cửa. Trong ngắn hạn, tất cả các nông dân và công nhân mất việc sẽ không kiếm ra việc ngay trong các khu vực kinh tế khác, do đó thất nghiệp sẽ gia tăng. Thất nghiệp do việc gia nhập WTO sẽ khiến những vấn đề căn bản của Trung Quốc như sự việc mỗi năm có 10 triệu người trẻ bước vào thị trường lao động, như khuynh hướng thừa thãi lao động trong nông nghiệp (10 triệu người dư

thừa) thêm phần trầm trọng.

Việt Nam đang phải đối phó với những vấn đề tương tự như Trung Quốc với những con số khiếm nhường hơn như 1 triệu người trẻ bước vào thị trường lao động mỗi năm và hiện tượng thiếu dụng trầm trọng tại nông thôn, cùng với tỉ lệ nghèo đói của các nông dân cao hơn các thành phần khác. Chúng ta có thể dự đoán rằng nền nông nghiệp tại Việt Nam sẽ chịu số phận tương tự như nông nghiệp của Trung Quốc, và những hậu quả xã hội do chuyển đổi kinh tế mang lại.

Việt Nam cần chuẩn bị gì ?

Việt Nam cần phải chuẩn bị những gì thực sự cần thiết ngay lúc này để sự gia nhập WTO mang đến kết quả tích cực? Chúng ta có thể tự hỏi rằng đã đành rằng việc gia nhập hệ thống thương mại đa phương là việc nên làm, nhưng Việt Nam có cần phải gia nhập nhanh chóng, trong khi các luật lệ đa phương chưa được hoàn hảo và cần được cải thiện để có tính cách bình đẳng hơn, để tôn trọng quyền lợi của các quốc gia đang phát triển hơn?

Tuyên ngôn của nhóm 77 quốc gia và Trung Quốc nhân buổi hội thảo cấp Bộ trưởng kỳ 4 của WTO tại Doha năm 2001 đã nhấn mạnh điều này. Các quốc gia này nhận định rằng có sự chênh lệch giữa các nhiệm vụ và quyền lợi trong các thoả ước thương mại đa phương, cũng như trong các điều kiện xâm nhập thị trường.

Tại các thị trường của các quốc gia thành viên tiên tiến, họ đã phải đương đầu với hiện tượng tỉ lệ thuế quan gia tăng khi giá trị thặng dư của nông phẩm do họ xuất khẩu gia tăng, hay nói cách khác nông phẩm càng chế biến càng bị đánh thuế cao (ngôn từ kỹ thuật gọi là tỉ lệ leo thang, "tariff escalation"), hiện tượng tỉ lệ thuế cao bằng hay hơn 30% ("tariff peak"), các hạn chế phi thuế quan như luật lệ phức tạp, tiêu chuẩn vệ sinh và môi trường... Trong việc xuất khẩu nông phẩm qua các nước tiên tiến, họ phải đối phó với bảo hộ thương mại tại nơi đây qua trợ cấp nông nghiệp, hàng

rào thuế quan hay phi thuế quan linh tinh...

Song song với việc chờ đợi cách vận hành của hệ thống đa phương tốt hơn, theo thiên ý, Việt Nam chỉ nên gia nhập khi tạo dựng được hệ thống vận hành hiệu quả, khả năng cạnh tranh vững chắc, có giải pháp thoả đáng cho các tổn thất xã hội có thể đặt ra, và khi thành lập hay huấn luyện được đội ngũ chuyên gia có nhiều kinh nghiệm về thương trường quốc tế và đủ khả năng bảo vệ quyền lợi quốc gia khi hữu sự. Hãy coi thương mại đa phương là phương tiện để phát triển, chứ không phải là cứu cánh. Mặt khác, thương mại đa phương cũng không phải là lối tắt để có thể trì hoãn hay bỏ qua những cải tổ kinh tế bất khả kháng trong việc xây dựng căn bản cho phát triển quốc gia.

Chính sách phát triển chủ động

Ông Gaymard, Bộ trưởng nông nghiệp Pháp vừa phát biểu (1.9.2003) rằng tự do thương mại trên qui mô lớn và toàn bộ không đáp ứng được với nhu cầu phát triển nông nghiệp của các quốc gia đang phát triển. Về vấn đề một quốc gia đang phát triển có nên bỏ hẳn việc trồng cấy 1 nông phẩm mà giá sản xuất (tức giá phản ánh những điều kiện sản xuất) cao hơn giá quốc tế: một bài học có thể được rút ra từ kinh nghiệm của dầu ăn Ấn Độ, là món hàng có một thị trường nội địa rộng rãi, được tư nhân cũng như kỹ nghệ chiều chuộng, từ trước khi Ấn Độ gia nhập WTO. Sản xuất nội địa có thể cung ứng đầy đủ cho thị trường nội địa mà không cần nhập khẩu. Lúc đó, giá dầu ăn khá cao trên các thị trường quốc tế, nên sau khi cung ứng cho thị trường nội địa, các xí nghiệp Ấn còn xuất khẩu. Sau khi gia nhập WTO, chính quyền Ấn đã hạ giá thuế quan trên dầu ăn. Cũng vào thời điểm đó, giá dầu sụt giảm trên thị trường quốc tế. Dầu ăn của Malaysia, Brazil, Mỹ và Indonesia lan tràn vào Ấn Độ và chiếm 40% thị trường Ấn Độ. Kết quả là cả triệu nông dân Ấn bị mất nghiệp và xí nghiệp sản xuất dầu ăn tại Ấn bị phá sản: riêng tại miền Karnataka, có

100 trên 115 hãng đã phải đóng cửa. Thay vì hoan hỉ là được mua dầu ăn với giá rẻ hơn (là một lợi điểm của thương mại tự do, theo WTO), đã có nhiều nguồn dư luận tại Ấn Độ đòi hỏi sự tái thương lượng những điều khoản của WTO và áp dụng biện pháp hạn chế dầu ăn nhập khẩu, nhân danh nhu cầu an toàn lương thực của quốc gia.

Muốn theo đuổi lý luận của thương mại tự do tới cùng thì một quốc gia có thể bỏ trồng cấy ngũ cốc, rau cỏ, trái cây... và chỉ chuyên về khoáng sản, du lịch, hay chế biến. Vào năm 1945, người dân Việt Nam được chứng kiến cơn đói kinh hoàng tại miền Bắc mà một trong những nguyên nhân là việc nông dân bị bắt buộc bỏ lúa và trồng cây để phục vụ nhu cầu công nghiệp của nước ngoài. Kinh nghiệm đau thương này còn ghi khắc sâu ấn tượng chúng ta và nhắc nhở nhu cầu tự lực về mặt lương thực. Chúng tôi nghĩ rằng đối với những nông phẩm hay nhiên liệu thiết yếu cho cuộc sống hàng ngày của người dân Việt Nam thì cần có chính sách phát triển chủ động chứ không nên lệ thuộc vào so sánh với các giá cả trên các thị trường quốc tế.

Bất cân quyền lực

Sau khi gia nhập WTO, Trung Quốc hiện đang bị các định chế tài chánh quốc tế ép buộc phải ngưng chương trình trợ cấp nông nghiệp, trong khi đó, với Luật Farm Bill do Tổng thống G.W. Bush mới ban hành, đã gia tăng trợ cấp cho nông nghiệp Mỹ tới một mức độ khổng lồ 180 tỷ USD. Liên hiệp châu Âu cũng có chánh sách trợ cấp nông nghiệp tương tự. Sự thiếu bình đẳng trong cung cách đối xử của WTO đã bị nhóm 77 quốc gia và Trung Quốc nêu ra sau buổi họp kỳ 4 cấp bộ trưởng tại Doha vào năm 2001. Để cải thiện tình trạng này, các quốc gia nhược tiểu có đưa ra một số yêu sách, như bãi bỏ các trợ cấp mà các quốc gia tiên tiến dành cho nông nghiệp bản xứ. Các thành viên của Tổ chức hợp tác phát triển kinh tế (OECD) đã trợ cấp nông dân của họ 283 tỷ USD vào năm 1999, trong đó

có 114 tỷ của Liên hiệp châu Âu, 54 của Mỹ và 58 của Nhật. Trong khi đó, Ấn Độ chẳng hạn chỉ có khả năng trợ cấp 7 tỷ.

Ô. Stern, kinh tế gia trưởng tại Ngân hàng Thế giới (NHTG), đã tố cáo rằng 1 con bò châu Âu nhận trợ cấp chính quyền trung bình mỗi ngày là 2,5 USD, 1 con bò Nhật 7,5 USD, trong khi 75% người dân châu Phi sống với dưới 2 USD/ngày. Ông vừa nhắc tới Farm Bill khổng lồ của Mỹ, chúng ta có thể tự hỏi một con bò của Mỹ nhận được gấp bao nhiêu lần lợi tức của một con người?

Các nước đang phát triển thấy bị lôi cuốn vào một hệ thống bất bình đẳng, họ phải cắt giảm những trợ cấp có khi là vấn đề sinh tử cho nông dân của họ, trong khi nhờ trợ cấp, nông dân tại các quốc gia tiên tiến có thể có giá thành rẻ và nhờ đó xâm chiếm thị trường quốc tế. Hãy dừng quên rằng (theo thống kê của Văn phòng lao động quốc tế của Liên hiệp quốc), tại các nước giàu, nhân lực trong nông nghiệp từ 1.4% (Anh Quốc) tới 7% (Ireland) tổng số lao động, trong khi đó thì họ trên 70% tại nhiều quốc gia Á-Phi. Tỷ lệ đáng kể này nói lên tầm quan trọng của các cuộc thương lượng liên quan tới thương mại nông sản cho các nước nhược tiểu.

Chúng tôi xin nêu lên một thí dụ khác, đó là bông vải. Giá bông vải đang sụt giảm dữ dội trên các thị trường thế giới, tổn hại tới các nông dân các quốc gia bắc và tây châu Phi, nơi bông vải là nguồn lợi tức chính. Các quốc gia này còn bị các định chế quốc tế cho vay nợ cấm đoán không được trợ cấp bông vải bản xứ trong khuôn khổ công cuộc tư hữu hoá bông vải. Thế nhưng năm nay, các nông trại Mỹ sản xuất bông vải sẽ nhận 3.9 tỷ USD trợ cấp, tức 3 lần số tiền Mỹ dành để viện trợ châu Phi. Biện pháp này đưa đến tình trạng sản xuất dư thừa trên thế giới.

Sự việc mà 80 quốc gia đang phát triển (hiện nay WTO có 148 thành viên) cảm thấy cần liên đới để cho tiếng nói của mình vang vọng hơn và có trọng lượng hơn chứng tỏ sự bất cân quyền lực trong tương quan đa phương ■